



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



Số 13271/2025 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV
2	Địa chỉ	Ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 2 năm 2025 cho Nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn - Công ty nhiệt điện Cao Ngạn -TKV, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
4	Kế hoạch	K31.2
5	Loại mẫu	Khí thải
6	Ký hiệu mẫu	KTOK-31.2-1
7	Vị trí mẫu	Tại ống khói lò hơi
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o48'54,4" Vĩ độ: 21o36'46,8"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo MCRE-SOP-KT.49(PQT); US EPA method 1÷5; US EPA method 29
10	Ngày lấy mẫu	19/5/2025
11	Ngày phân tích	20/5/2025 đến 28/5/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K _p =0,8, K _v =0,6)	QCVN 22:2009/BTNMT (cột B, K _p =1, K _v =0,6)
1	Lưu lượng(*)	US EPA method 2	m ³ /phút	7733	-	-
2	Nhiệt độ (*)	MCRE-SOP-KT.49(PQT)	°C	131,27	-	-
3	Vận tốc (*)	US EPA method 2	m/s	13,4	-	-
4	O ₂ (*)	MCRE-SOP-KT.49(PQT)	%	5,2027	-	-
5	CO(*)	MCRE-SOP-KT.49(PQT)	mg/Nm ³	214,2402	480	-
6	NO _x (*)	MCRE-SOP-KT.49(PQT)	mg/Nm ³	78,7595	-	390
7	SO ₂ (*)	MCRE-SOP-KT.49(PQT)	mg/Nm ³	100,4333	-	300
8	Hg(*)	US EPA method 29	mg/Nm ³	<0,005	-	-
9	Bụi tổng(*)	US EPA method 5	mg/Nm ³	<20	-	120

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM *Trịnh Đức Cường*

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Phạm Thị Thanh Thúy



Trịnh Đức Cường

Phạm Thị Thanh Thúy

Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- MCRE-SOP-KT: Quy trình nội bộ hướng dẫn quan trắc các thông số tại hiện trường
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ (Giá trị so sánh của các thông số trong quy chuẩn đã được áp dụng hệ số K_p=0,8; K_v=0,6)
- QCVN 22:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện (Giá trị so sánh của các thông số trong quy chuẩn đã được áp dụng hệ số K_p=1; K_v=0,6)



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



Số 1328/2025 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV
2	Địa chỉ	Ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 2 năm 2025 cho Nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn - Công ty nhiệt điện Cao Ngạn -TKV, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
4	Kế hoạch	K31.2
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-31.2-1
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực lò hơi số 1
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o48'58,1" Vĩ độ: 21o36'46,8"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 7878-2:2018; TCVN 6963:2001
10	Ngày lấy mẫu	19/5/2025
11	Ngày phân tích	20/5/2025 đến 28/5/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 24:2016/BYT
1	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	79,5	85
2	Độ rung(*)	TCVN 6963:2001	dB	37,3	-

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Phạm Thị Thanh Thúy



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 1329/2025 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV
2	Địa chỉ	Ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 2 năm 2025 cho Nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn - Công ty nhiệt điện Cao Ngạn -TKV, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
4	Kế hoạch	K31.2
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-31.2-2
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực lò hơi số 2
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o48'54,2" Vĩ độ: 21o36'45,8"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 7878-2:2018; TCVN 6963:2001
10	Ngày lấy mẫu	19/5/2025
11	Ngày phân tích	20/5/2025 đến 28/5/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 24:2016/BYT
1	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	78,4	85
2	Độ rung(*)	TCVN 6963:2001	dB	35,7	-

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM *Trịnh Đức Cường*

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Phạm Thị Thanh Thúy



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 1330/2025 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV
2	Địa chỉ	Ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 2 năm 2025 cho Nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn - Công ty nhiệt điện Cao Ngạn -TKV, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
4	Kế hoạch	K31.2
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-31.2-1
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải số 1
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o48'53,4" Vĩ độ: 21o36'50,1"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	19/5/2025
11	Ngày phân tích	20/5/2025 đến 28/5/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (K _q =1; K _r =1,1)	
					A	B
1	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	24	40	40
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	6-9	5,5-9
3	BOD ₅	SMEWW 5210B:2023	mg/L	<2	33	55
4	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	<15	82,5	165
5	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	<10	55	110
6	As	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,0102	0,055	0,11
7	Pb	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,002	0,11	0,55
8	Cd	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,001	0,055	0,11
9	Cr(VI)	TCVN 6658:2000	mg/L	<0,01	0,055	0,11
10	Cu	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,0035	2,2	2,2
11	Hg	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,002	0,0055	0,011
12	Zn	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,01	3,3	3,3
13	Mn	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,107	0,55	1,1
14	Fe	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,194	1,1	5,5
15	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023	mg/L	<0,05	0,22	0,55
16	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	<1,5	5,5	11
17	Tổng N	TCVN 6638:2000	mg/L	10	22	44
18	Tổng P	SMEWW 4500-P.B&E:2023	mg/L	0,23	4,4	6,6
19	Tổng dầu mỡ khoáng(*)	SMEWW 5520.B&F:2023	mg/L	<2,5	5,5	11
20	Clo dư(*)	TCVN 6225-3:2011	mg/L	<1	1,1	2,2
21	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	2200	3000	5000

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trịnh Đức Cường

PHỤ TRÁCH QA/QC

Phạm Thị Thanh Thủy

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (giá trị so sánh của các thông số trong quy chuẩn đã được áp dụng hệ số K_q; K_r)



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 133/1/2025 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV
2	Địa chỉ	Ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 2 năm 2025 cho Nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn - Công ty nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
4	Kế hoạch	K31.2
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-31.2-2
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải số 2
8	Tọa độ	Kinh độ: 105°48'57,4" Vĩ độ: 21°36'48,4"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	19/5/2025
11	Ngày phân tích	20/5/2025 đến 28/5/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (K _q =1; K _r =1,1)	
					A	B
1	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	24,9	40	40
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,0	6-9	5,5-9
3	BOD ₅	SMEWW 5210B:2023	mg/L	<2	33	55
4	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	<15	82,5	165
5	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	<10	55	110
6	As	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,0046	0,055	0,11
7	Pb	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,002	0,11	0,55
8	Cd	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,001	0,055	0,11
9	Cr(VI)	TCVN 6658:2000	mg/L	<0,01	0,055	0,11
10	Cu	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,002	2,2	2,2
11	Hg	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,002	0,0055	0,011
12	Zn	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,01	3,3	3,3
13	Mn	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,158	0,55	1,1
14	Fe	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,495	1,1	5,5
15	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023	mg/L	<0,05	0,22	0,55
16	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	2,8	5,5	11
17	Tổng N	TCVN 6638:2000	mg/L	8,9	22	44
18	Tổng P	SMEWW 4500-P.B&E:2023	mg/L	0,28	4,4	6,6
19	Tổng dầu mỡ khoáng(*)	SMEWW 5520.B&F:2023	mg/L	<2,5	5,5	11
20	Clo dư(*)	TCVN 6225-3:2011	mg/L	<1	1,1	2,2
21	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	2500	3000	5000

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trịnh Đức Cường

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 5 năm 2025
PHỤ TRÁCH QA/QC

Phạm Thị Thanh Thủy

KIỂM GIÁM ĐÓC
PHÓ GIÁM ĐÓC

Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (giá trị so sánh của các thông số trong quy chuẩn đã được áp dụng hệ số K_q; K_r)